

**BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC HẢI QUAN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Số: **7131**/TCHQ-GSQL

Hà Nội, ngày **06** tháng **11** năm **2020**

V/v thực hiện Nghị định số
102/2020/NĐ-CP

Kính gửi: Cục Hải quan các tỉnh, thành phố

Ngày 01/9/2020, Chính phủ ban hành Nghị định số 102/2020/NĐ-CP quy định Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam, có hiệu lực từ ngày 30/10/2020. Trong quá trình thực hiện, Tổng cục Hải quan nhận được phản ánh vướng mắc của một số Cục Hải quan tỉnh, thành phố; Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Việt Nam liên quan đến quy định về bộ hồ sơ nhập khẩu. Trên cơ sở ý kiến của Tổng cục Lâm nghiệp tại công văn số 1589/TCLN-KL ngày 02/11/2020 về việc sử dụng Bảng kê gỗ nhập khẩu và để tháo gỡ khó khăn vướng mắc cho các doanh nghiệp nhập khẩu gỗ, Tổng cục Hải quan có hướng dẫn như sau:

1. Bảng kê gỗ nhập khẩu do chủ gỗ lập theo Mẫu số 01 hoặc Mẫu số 02 Phụ lục I (khoản 1 Điều 7):

- Nếu Bản kê chi tiết (Log List hoặc Packing List) do người xuất khẩu lập có các thông tin phù hợp với các Bảng kê gỗ nhập khẩu do chủ gỗ lập theo Mẫu số 01 hoặc Mẫu số 02 Phụ lục I thì người khai hải quan ghi “theo Bản kê chi tiết đính kèm” và nộp cho cơ quan hải quan khi làm thủ tục nhập khẩu.

- Việc xác nhận của cơ quan hải quan trên Bảng kê gỗ nhập khẩu được thực hiện bởi công chức hải quan tiếp nhận, kiểm tra chi tiết hồ sơ (đối với hồ sơ luồng vàng) hoặc công chức hải quan kiểm tra thực tế hàng hóa (đối với tờ khai luồng đỏ) và lưu kèm hồ sơ hải quan. Trường hợp có sai khác giữa kết quả kiểm tra thực tế với Bảng kê của người khai hải quan, công chức hải quan kiểm tra thực tế hàng hóa ghi “sai khác theo tờ khai hải quan” trước khi xác nhận.

2. Về Danh sách quốc gia thuộc vùng địa lý tích cực và Danh mục các loại gỗ đã nhập khẩu vào Việt Nam

Trong thời gian chờ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công bố Danh sách quốc gia thuộc vùng địa lý tích cực và Danh mục các loại gỗ đã nhập khẩu vào Việt Nam, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 27 Nghị định 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ, xem xét chấp nhận cho người khai hải quan được chậm nộp Bảng kê khai nguồn gốc gỗ nhập khẩu theo Mẫu số 03 Phụ lục I (quy định tại điểm c khoản 2 Điều 7 Nghị định 102/2020/NĐ-CP) trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan.

3. Về danh sách các quốc gia đã ký kết Hiệp định gỡ hợp pháp với EU và đang vận hành hệ thống cấp phép FLEGT, Tổng cục Hải quan ghi nhận và đã trao đổi, đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công bố làm cơ sở thực hiện.

Tổng cục Hải quan thông báo để Cục Hải quan các tỉnh, thành phố biết, thực hiện. Trường hợp có vướng mắc phát sinh thì báo cáo về Tổng cục Hải quan (Cục Giám sát quản lý về Hải quan) để được hướng dẫn giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ NN&PTNT;
- TCT Nguyễn Văn Cẩn;
- HH Gỗ và Lâm sản VN;
- (Đ/c: Số 189 Thanh Nhàn, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội)
- Cục QLRR, Cục ĐTCBL;
- Lưu: VT, GSQL (3b).

**KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**



Mai Xuân Thành